TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YD** **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/DS-ST
Ngày 26-4-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhàn và bà Nguyễn Thị Thủy Khơi

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện YD

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX-ST ngày 26/02/2024; các quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 26/3/2024 và số 10/2024/QĐST-DS ngày 05/4/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông LQB, sinh năm 1945; địa chỉ: thôn TL, xã TD, huyện YD, tỉnh BG.

- ***Bị đơn:*** Ông VCB, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn DT, xã TD, huyện YD, tỉnh BG.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông LQB trình bày: Do có mối quan hệ quen biết xã hội nên ông B có cho anh VCB vay tổng số tiền 23.500.000 đồng làm 03 lần. Khi cho vay hai bên có viết giấy vay tiền do ông B lập. Cụ thể các lần cho vay như sau: Ngày 29/02/2019 (âm lịch), ông B cho anh B vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng; ngày 30/3/2019 (âm lịch), ông B cho anh B vay tiếp số tiền là 10.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng; ngày 02/5/2019 (âm lịch), ông B cho anh B vay thêm số tiền 3.500.000đồng, không ghi thời hạn vay. Trong các giấy vay tiền không thoả thuận về lãi suất cũng không ghi mục đích vay tiền nhưng khi vay tiền anh B có nói miệng với ông B là vay tiền để giải quyết việc cá nhân

và sẽ trả lãi cho ông B theo mức lãi suất là 1.5%/tháng, khi nào trả tiền gốc thì sẽ trả tiền lãi một thể. Nguồn tiền ông B cho anh B vay nợ là của cá nhân ông B cho cá nhân anh B vay. Nhưng đến hạn trả nợ, ông B đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu anh B phải trả tiền gốc và tiền lãi cho ông B theo giấy vay tiền nhưng anh B luôn trốn tránh không chịu trả nợ cho ông B. Xét thấy việc đòi nợ bằng tình cảm là không thực hiện được nên ông B làm đơn khởi kiện anh VCB tại Tòa án. Nay ông B yêu cầu Toà án buộc anh VCB phải trả cho ông B số tiền gốc đã vay là 23.500.000 đồng theo giấy vay tiền các ngày 29/02/2019 (âm lịch), ngày 30/3/2019 (âm lịch) và ngày 02/5/2019 (âm lịch). Ông B không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi.

Bị đơn là anh VCB trình bày: Qua người quen giới thiệu nên anh B có tìm đến vay của ông B tổng 03 lần với tổng số tiền vay là 23.500.000 đồng, lần 1 anh B vay 10.000.000 đồng; lần 2 anh B vay 10.000.000 đồngl; lần 3 là 3.500.000đồng. Mục đích vay là để chi tiêu cá nhân anh B, không sử dụng chung trong gia đình. Khi vay tiền thì có giấy biên nhận ông B viết, tự tay kí, hai bên không thoả thuận về lãi suất mà thoả thuận miệng là 3000đồng/01 triệu/ 1 ngày. Không thoả thuận về thời hạn thanh toán. Từ khi vay đến nay anh B đã trả nhiều lần, mỗi tháng trả 2.100.000đồng, tổng khoảng 70.000.000đồng tiền lãi. Các lần gặp mặt trả thì anh B đưa trực tiếp cho ông B, không viết giấy tờ gì. Từ khi vay đến năm 2022 thì anh B không trả được lãi cho ông B nữa do kinh tế khó khăn, sau này ông B đòi tiền nhiều lần thì anh có trả tiền lãi chứ chưa trả gốc. Nay ông B kiện đòi tiền thì anh đồng ý trả ông B số tiền gốc đã vay là 23.500.000đồng. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn nên anh sẽ trả nợ dần.

Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho anh B nhiều lần nhưng anh B không đến Toà án làm việc.

Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên đối chất và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì bị đơn anh VCB đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 26/03/2024, Tòa án mở phiên tòa, bị đơn anh B vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Ngày 05/04/2024, Tòa án mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông LQB có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh VCB trả cho ông B số tiền gốc là 23.500.000đồng theo giấy vay tiền các ngày 29/02/2019 (âm lịch), ngày 30/3/2019 (âm lịch) và ngày 02/5/2019 (âm lịch). Ông B không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi. Bị đơn anh VCB đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa không lý do).

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc anh B phải trả cho ông B tổng số tiền là 23.500.000 đồng; về án phí: anh B phải chịu án phí theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông LQB và bị đơn anh VCB là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân về *"Hợp đồng vay tài sản"*. Các bên không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp nên ông B làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Bị đơn anh B sinh sống trên địa bàn huyện YD nên Tòa án nhân dân huyện YD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu. Căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu đối với vụ án.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của ông B về việc buộc anh B phải trả số tiền gốc đã vay là 23.500.000 đồng thấy: Căn cứ lời khai của ông B, bản gốc các giấy vay tiền ngày ngày 29/02/2019 (âm lịch), ngày 30/3/2019 (âm lịch) và ngày 02/5/2019 (âm lịch) do ông B giao nộp và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án thể hiện anh B đã viết giấy vay tiền và nhận của ông B tổng số tiền là 23.500.000 đồng. Mặc dù trong quá trình làm việc, anh B không đến Toà án làm việc nhưng tại biên bản lấy lời khai anh B cũng thừa nhận đã vay ông B tổng số tiền 23.500.000 đồng làm 03 lần như ông B trình bày. Cho đến nay anh B vẫn không cung cấp tài liệu, giấy tờ

gì liên quan đến việc trả nợ theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ của Toà án; cũng không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ là các giấy vay tiền đã được Toà án thông báo tại các thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, và thông báo kết quả phiên họp về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Anh B trình bày là anh B không biết chữ, các giấy vay tiền là do ông B tự viết và ký, tuy nhiên không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền trên đồng thời anh B cũng thừa nhận số tiền còn nợ ông B là 23.500.000 đồng và đồng ý trả nhưng đề nghị được trả dần cho ông B.

Nay ông B khởi kiện buộc anh B phải trả cho ông B toàn bộ số tiền gốc là 23.500.000 đồng theo các giấy vay tiền như trên là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu này của ông B. Do vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần buộc anh B phải trả cho ông B số tiền gốc 23.500.000 đồng này là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2] Do ông B không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về việc anh B trình bày đã trả cho ông B được tổng số tiền lãi là khoảng 70.000.000 đồng, tuy nhiên ông B không thừa nhận và anh B cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả tiền lãi cho ông B như trên. Anh B cũng không yêu cầu xem xét về số tiền lãi đã trả. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về số tiền lãi anh B trình bày đã trả nêu trên. Trường hợp giữa anh B và ông B có tranh chấp về số tiền lãi trên thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu của ông B được chấp nhận nên bị đơn là anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông B là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LQB.

1.1. Buộc anh VCB phải trả cho ông LQB tổng số tiền là 23.500.000 đồng *(Hai ba triệu năm trăm nghìn đồng)* theo giấy vay tiền các ngày 29/02/2019 (âm lịch), ngày 30/3/2019 (âm lịch) và ngày 02/5/2019 (âm lịch).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Buộc anh VCB phải chịu số tiền 1.175.000 đồng *(Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND thành phố BG;
- CCTHADS thành phố BG,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hằng